**NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II-11XH-2021-2022**

**NỘI DUNG 1: CHỦ ĐỀ NHẬT BẢN**

**1/ Vị trí địa lí- phạm vi lãnh thổ:**

- Quần đảo nằm ở Đông Á trên Thái Bình Dương,

- Tọa độ: 1280 Đ-1460 Đ; 200B- 450 B

- Là một quần đảo hình vòng cung dài khoảng 3800km trên TBD

- Gồm 4 đảo lớn: Hôn su (Đảo lớn nhất) , Kiu xiu, Xicôcư, Hôccaiđô và hàng ngàn đảo nhỏ.

**2/ Điều kiện tự nhiên**

**a/ Địa hình:** 80% diện tích là đồi núi (chủ yếu là núi lửa); đồng bằng nhỏ hẹp nằm ở ven biển, đất đai khá tốt; bờ biển dài, có nhiều vũng vịnh

**b/ Khí hậu:** Nằm trong khu vực gió mùa, mưa nhiều

- Phía bắc có khí hậu ôn đới, mùa đông kéo dài, lạnh, có nhiều tuyết.

- Phía nam khí hậu cận nhiệt đới. Mùa đông không lạnh lắm, mùa hạ thường nóng, mưa to và bão.

**c/ Thủy văn:**

- Sông ngòi ngắn, dốc

- Dòng biền nóng lạnh gặp nhau tạo nên ngư trường lớn

**d/ Khoáng sản:** Nghèo khóang sản, chỉ có than, đồng là chủ yếu.

**3/ Đánh giá vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên**

* **Thuận lợi:**
* Phát triển các ngành kinh tế biển, và giao lưu dễ dàng với các quốc gia, châu lục khác bằng đường biển
* Phát triển nông nghiệp với cơ cấu cây trồng đa dạng.
* Phát triển du lịch nghỉ dưỡng.
* **Khó khăn:**
* Giao thông không thuận lợi giữa các vùng
* Thiếu tài nguyên khoáng sản phát triển kinh tế
* Thường xuyên xảy ra thiên tai: động đất, núi lửa, sóng thần…..

**4/ Dân cư**

- Là nước đông dân: năm 2018: 126,8 triệu người ( t11TG)

- Tốc độ gia tăng thấp và giảm dần

- Cơ cấu dân số già→ thiếu lực lượng lao động bổ sung, chi phí phúc lợi xã hội lớn…

- Dân cư tập trung tại các thành phố lớn và đồng bằng ven biển. Mật độ dân số cao.

**5/ Xã hội**

- Người lao động cần cù, thông minh làm việc tích cực, tự giác và trách nhiệm cao

- Giáo dục được chú ý đầu tư

- Mức sống người dân cao

- Tuổi thọ trung bình cao nhất thế giới.

***6. Dịch vụ:***

- Chiếm 68% GDP (2004)

- Là cường quốc thương mại, tài chính trên thế giới.

- Về thương mại:

+ Đứng thứ 4 thế giới sau Hoa Kì, Trung Quốc, và CHLB Đức.

+ Xuất khẩu là động lực cho nền kinh tế, Nhật Bản là nước xuất siêu.

+ Các mặt hàng xuất khẩu chính: sản phẩm công nghiệp chế biến (tàu biển, ô tô, xe gắn máy, sản phẩm tin học,…) chiếm 99% giá trị xuất khẩu).

+ Các mặt hàng nhập khẩu chính: nông sản, năng lượng, nguyên liệu cho công nghiệp.

+ Bạn hàng khắp nơi trên thế giới nhưng quan trọng nhất là: Hoa Kì, Trung Quốc, EU, Đông Nam Á.

- GTVT biển đứng hàng thứ 3 thế giới, có đội tàu biển trọng tải lớn và nhiều hải cảng lớn, hiện đại hàng đầu thế giới.

- Tài chính: Đứng đầu thế giới về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài và viện trợ phát triển chính thức; có nhiều ngân hàng lớn của thế giới.

- Du lịch: phát triển với nhiều thắng cảnh đẹp, nhiều tiềm năng phát triển du lịch nghỉ dưỡng.

**7. Nông nghiệp**

- Chỉ đóng vai trò thứ yếu trong nền KT. Chiếm 1% trong cơ cấu GDP ( 2004)

- Diện tích đất NN ít chưa đầy 14% S lãnh thổ=> thâm canh=> tăng năng suất và chất lượng

- Trồng trọt:

+ Lúa gạo: cây trồng chính, 50% diện tích trồng trọt nhưng đang giảm

+ Chè, thuốc lá, dâu tằm là những loại cây trồng phổ biến của Nhật Bản. Sản lượng tơ tằm Nhật Bản đứng hàng đầu thế giới.

- Chăn nuôi tương đối phát triển. Các vật nuôi chính là: bò, lợn, gà,được nuôi theo phương pháp tiên tiến trong các trang trại.

- Nuôi trồng đánh bắt hải sản phát triển.

+ Nhật Bản là nước có sản lượng đánh bắt hàng năm cao. Chủ yếu là tôm, cua, cá thu, cá ngừ…

+ Nghề nuôi trồng thủy hải sản(tôm, sò, ốc, trai lấy ngọc..) được chú trọng phát triển.

**NỘI DUNG 2: BÀI TẬP**